TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH L**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2023/DS-PT
Ngày: 14-3-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà NTMH

Các Thẩm phán: Ông TVQ

Bà HTHV

- Thư ký phiên tòa: Bà NTMP - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh L

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh L tham gia phiên tòa: Ông HPK - Kiểm sát viên.

Vào ngày 14 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh L xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 591/2022/TLPT-DS ngày 30 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 91/2022/DS-ST ngày 14 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố TA, tỉnh LA bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 13/2023/QĐ-PT ngày 02 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà PTKY, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Số 203/42C, quốc lộ 62, phường 0 thành phố T, tỉnh L

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông LVL, sinh năm 1985. Địa chỉ: ấp Bình Hòa A, xã BT, huyện CT, tỉnh TG (văn bản ủy quyền ngày 11 tháng 8 năm 2022).

2. *Bị đơn*: Bà NTT, sinh năm 1947.

Địa chỉ: Số 280/20/6, quốc lộ 62, phường O, thành phố T, tỉnh L.

- Người kháng cáo: Bà NTT.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/8/2022 của bà PTKY và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông LVT trình bày:

Ngày 19/4/2021, bà PTKY có cho bà NTT vay số tiền 180.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng. Khi vay hai bên có viết giấy mượn tiền, thời hạn trả nợ là 01 tháng. Sau khi vay thì bà Tuyết không có trả lãi cho bà Yến và đến hạn trả nợ, mặc dù bà Yến nhiều lần yêu cầu bà Tuyết trả tiền nhưng bà Tuyết cũng không trả.

Nay bà Yến khởi kiện yêu cầu bà Tuyết trả số tiền vốn vay là 180.000.000 đồng. Theo đơn khởi kiện, bà Yến yêu cầu bà Tuyết trả tiền lãi số tiền 48.000.000 đồng nhưng tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của bà Yến rút lại yêu cầu này, không yêu cầu bà Tuyết phải trả tiền lãi nữa.

Bị đơn bà NTT trình bày:

Trước đây bà có vay của bà Yến số tiền 5.000.000 đồng và có đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Yến giữ để làm tin. Sau đó bà tiếp tục vay của bà Yến nhiều lần với tổng số tiền 50.000.000 đồng. Hai bên không có thỏa thuận thời hạn trả, lãi suất là 5%/tháng, sau khi vay tiền thì hằng ngày bà phải trả lãi cho bà Yến tiền lãi bằng 05 tờ vé số. Sau đó con bà biết sự việc bà cầm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay tiền bà Yến nên đến gặp bà Yến và trả bà Yến số tiền 20.000.000 đồng và chuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại. Số tiền còn lại mà bà nợ bà Yến là 30.000.000 đồng, sau đó bà tiếp tục vay bà Yến 02 lần, mỗi lần 3.000.000 đồng. Hiện tại bà xác định còn nợ bà Yến số tiền 36.000.000 đồng, mỗi ngày bà vẫn đóng lãi 05 tờ vé số cho bà Yến, đến khi dịch Covid xảy ra thì bà ngưng không đóng lãi cho bà Yến cho đến nay. Bà thừa nhận chữ viết và chữ ký trong giấy nợ ngày 19/4/2021 là của bà. Lý do viết giấy nợ ngày 19/4/2021 là do bà Yến yêu cầu bà viết và bà Yến nói số tiền 180.000.000 đồng là tiền nợ gốc và tiền lãi.

Nay bà Yến yêu cầu bà trả số tiền 180.000.000 đồng bà không đồng ý. Bà chỉ đồng ý trả số tiền 36.000.000 đồng tiền gốc và đồng ý trả 14.000.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 50.000.000 đồng. Do hoàn cảnh khó khăn, gia đình hiện tại là hộ nghèo nên bà xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 91/2022/DS-ST ngày 14 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh L đã căn cứ khoản 3 Điều 26, các Điều 35, 39, 147, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà PTKY. Buộc bà NTT phải trả cho bà PTKY số tiền vốn vay 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, trong trường hợp người phải thi hành án chậm thi hành án thì người phải thi hành án còn phải chịu số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468

của Bộ luật Dân sự; Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà PTKY về việc yêu cầu bà NTT trả số tiền lãi là 48.000.000 đồng (Bốn mươi tám triệu đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà PTKY không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà Yến số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.700.000 đồng (Năm triệu, bảy trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001856 ngày 03/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành T, tỉnh LAn.

- Bà NTT thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên không đề cập.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và hướng dẫn về quyền và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

Ngày 22/11/2022, bà NTT kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm, bà đồng ý trả số tiền vay 36.000.000 đồng và 14.000.000 đồng tiền lãi.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bà Tuyết không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, không cung cấp, nộp thêm tài liệu, chứng cứ mới và vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày ở cấp sơ thẩm.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông LVL trình bày: Ông không đồng ý kháng cáo của bà Tuyết vì bà Tuyết ký giấy vay tiền số tiền 180.000.000 đồng, bà Tuyết cho rằng chỉ vay số tiền 36.000.000 đồng là không có căn cứ, đề nghị cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Bị đơn bà NTT trình bày: Bà chỉ vay của bà Yến số tiền 36.000.000 đồng, bà đồng ý trả số tiền 36.000.000 đồng và tiền lãi 14.000.000 đồng, đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh L phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Kháng cáo của bà NTT đúng quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về yêu cầu kháng cáo của bà Tuyết, nhận thấy:

Theo nội dung "Giấy mượn tiền ngày 19/04/2021" thể hiện bà Nguyễn Thị Tuyết có mượn của bà PTKY số tiền 180.000.000 đồng với thời hạn là 30

ngày. Bà Tuyết thừa nhận chữ viết cùng chữ ký là của bà nhưng bà Tuyết chỉ thừa nhận vay của bà Yến số tiền 36.000.000 đồng còn số tiền 180.000.000 đồng là tiền lãi cộng với tiền gốc. Tuy nhiên, bà Tuyết không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho việc chỉ vay 36.000.000 đồng và cũng không được bà Yến thừa nhận việc số tiền 180.000.000 đồng là tiền lãi cộng với tiền gốc. Bà Tuyết xin trả dần nợ mỗi tháng 1.000.000 đồng nhưng không được bà Yến đồng ý.

Từ những căn cứ nêu trên, xét thấy kháng cáo của bà NTT không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà NTT thực hiện đúng về hình thức, nội dung và thời hạn theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bà NTT, thấy rằng:

[2.1] Bà Yến khởi kiện yêu cầu bà Tuyết trả số tiền vay 180.000.000 đồng, bà Tuyết chỉ thừa nhận vay của bà Yến số tiền 36.000.000 đồng, bà Tuyết đồng ý trả số tiền vay 36.000.000 đồng và số tiền lãi 14.000.000 đồng.

[2.2] Căn cứ "giấy mượn tiền" ngày 19/4/2021 có nội dung: *"...tôi tên Nguyễn Thị Tuyết, sinh năm 1947... Tôi có mượn của cô Phan Thị Kim Yến ...số tiền 180.000.000đ...*".

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Tuyết thừa nhận chữ ký và chữ viết tại giấy mượn tiền là do bà viết và ký tên nhưng bà Tuyết chỉ thừa nhận vay của bà Yến số tiền 36.000.000 đồng, không có vay số tiền 180.000.000 đồng, số tiền 180.000.000 đồng là do bà Yến cộng tiền vốn và tiền lãi. Tuy nhiên bà Tuyết không có chứng cứ gì chứng minh nên lời trình bày của bà Tuyết không có căn cứ chấp nhận.

Căn cứ nội dung của "giấy mượn tiền" ngày 19/4/2021, có đủ cơ sơ xác định bà NTT có vay của bà PTKY số tiền 180.000.000 đồng.

[2.3] Bà NTT chỉ đồng ý trả cho bà Yến số tiền vay 36.000.000 đồng và 14.000.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 50.000.000 đồng và xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng. Xét thấy, yêu cầu của bà Tuyết không được bà Yến đồng ý nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận.

[3] Theo đơn khởi kiện, bà Yến yêu cầu bà Tuyết trả số tiền lãi là 48.000.000 đồng. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Văn Lâm đã rút lại yêu cầu này, chỉ yêu cầu bà bà Tuyết trả tiền vốn vay 180.000.000 đồng nên Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của bà Yến là phù hợp với quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Từ những phân tích trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

Do đó Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Kim Yến buộc bà Nguyễn Thị Tuyết phải có nghĩa vụ trả số tiền vốn vay là 180.000.000 đồng là có căn cứ.

[5] Xét thấy yêu cầu kháng cáo của bà NTT không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà NTT là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà NTT là người cao tuổi (trên 60 tuổi) thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà NTT là người cao tuổi nên miễn cho bà Tuyết án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bà NTT.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 91/2022/DS-ST ngày 14 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố T tỉnh L

Căn cứ khoản 3 Điều 26, các Điều 35, 39, 147, 227, 228, 244, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà PTKY đối với bà Nguyễn Thị Tuyết về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà NTT phải có nghĩa vụ trả cho bà PTKY số tiền vốn vay 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà PTKIY về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Tuyết trả số tiền lãi là 48.000.000 đồng (Bốn mươi tám triệu đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà PTKY không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Yến số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.700.000 đồng (Năm triệu, bảy trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001856 ngày 03/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân An, tỉnh Long An.

Miễn cho bà NTT án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn cho bà NTT án phí dân sự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Tp.H
- VKSND tỉnh L;
- TAND thành phố T
- Chi cục THADS thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NTMH